

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2025
V/v “*tranh chấp về xác định cha
cho con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lựu và ông Nguyễn Văn Xô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc “*tranh chấp xác định cha cho con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-4-2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981

Nơi cư trú: phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Khu dân cư K, phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Số nhà 120 Khu 3 H, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương

(*Anh T, chị B đều có mặt, anh T vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-3-2025 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị B quen nhau khoảng tháng 8-2022. Anh không biết chị B đã kết hôn nhưng chưa ly hôn. Sau đó anh chị nảy sinh tình cảm với nhau. Thời điểm đó anh cũng chưa có vợ. Sau một thời gian anh và chị B có con chung. Chị B sinh cháu vào ngày 12-12-2023 tại bệnh viện Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh. Anh dự kiến đặt tên cháu là Phạm Phương T nên qua kiểm tra kết

quả xét nghiệm ADN xác định cháu là con đẻ của anh. Ngày 29-10-2024 chị B mới chính thức ly hôn chồng cũ là anh Phạm Văn T. Do anh muốn làm giấy khai sinh cho cháu nhưng gặp khó khăn nên nay anh đề nghị Tòa án xác định cháu Phạm Phương T, sinh ngày 12-12-2023 là con đẻ của anh và anh là cha đẻ của cháu.

Bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn vào năm 1999. Sau đó sinh được 2 người con và đến năm 2005 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị đã sống ly thân với anh T từ đó, không còn quan hệ về tình cảm. Sau đó chị gặp anh Phạm Văn T, hai bên nảy sinh tình cảm. Chị đã có con với anh. Ngày 12-12-2023 chị đã sinh cháu gái tại Bệnh viện Bãi Cháy tỉnh Quảng Ninh, chưa đặt tên dự sinh.

Đến ngày 29-10-2024 chị và anh T mới ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn. Anh T đã đi xét nghiệm ADN và xác định cháu gái có tên dự kiến là Phạm Phương T là con đẻ của anh. Nay để thuận lợi cho việc làm giấy khai sinh của cháu chị đồng ý việc anh T đề nghị xác định cháu T là con đẻ của anh T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị B đã ly hôn theo quyết định của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn ngày 29-10-2024. Về con chung anh và chị B chỉ xác định vợ chồng có 2 con chung là Phạm Văn Ngọc, sinh ngày 08-4-2000 và Phạm Văn Hạnh, sinh ngày 09-8-2002. Nay anh được biết chị B và anh T có đơn yêu cầu xác định cháu Phạm Phương T sinh ngày 12-12-2023 là con đẻ của anh T và chị B, anh đồng ý và xác định cháu T không phải là con đẻ của anh. Vì anh và chị B đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay và không còn liên quan gì đến nhau. Do bận công việc anh xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như phiên tòa. Ngoài ra anh không còn ý kiến gì khác.

Tại Giấy chứng sinh số 0001216/23, quyển số 2023 ngày 12-12-2023 của Bệnh viện Bãi Cháy ghi nhận: Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị B sinh năm 1980 nơi thường trú: phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Đã sinh con vào lúc 13 giờ 40 phút ngày 12-12-2023. Tại bệnh viện Bãi Cháy, giới tính con: nữ; Dự định đặt tên con: Không ghi.

Kết quả xét nghiệm ADN ngày 15-02-2025 của Công ty TNHH Công nghệ di truyền Việt Nam xác định Phạm Văn T và Phạm Phương T có quan hệ huyết thống cha con với tần suất 99,999999997955%.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại quá trình giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

- Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của

những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T.

Xác định anh Phạm Văn T là cha đẻ cháu gái do chị Nguyễn Thị B sinh ngày 12-12-2023 tên dự kiến là Phạm Phương T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng: Anh Phạm Văn T có đơn xin xác nhận cha cho con đối với chị Nguyễn Thị B, chị B hiện đang cư trú tại khu dân cư Kim Bào, phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 101 Luật hôn nhân và gia đình. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ và có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt anh.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện xác định cha cho con của anh Phạm Văn T:

Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị B đăng ký kết hôn từ năm 1999. Trong quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ

năm 2005 đến nay. Anh chị đã ly hôn theo quyết định số: 201 ngày 29-10-2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

Trong thời gian chị và anh T ly thân chị có quan hệ tình cảm với anh Phạm Văn T. Ngày 12-12-2023, chị B sinh con tại bệnh viện Bãi Cháy, chị chưa đặt tên dự sinh; giới tính: Nữ, theo giấy chứng sinh số 0001216/23, quyền số 2023 ngày 12-12-2023. Anh T xác định anh và chị B chỉ có 02 con chung Phạm Văn Ngọc, sinh ngày 08-4-2000 và Phạm Văn Hạnh, sinh ngày 09-8-2002. Cháu Phạm Phương T không phải con chung của anh và chị B. Anh T yêu cầu xác định cháu gái do chị Nguyễn Thị B sinh ngày 12-12-2-2023 có tên dự kiến Phạm Phương T là con đẻ của anh, chị B đồng ý. Căn cứ bản Kết quả xét nghiệm ADN 15-02-2025 của Công ty TNHH Công nghệ di truyền Việt Nam xác định Phạm Văn T và Phạm Phương T có quan hệ huyết thống cha con với tần suất 99,999999997955%. Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn T. Xác định cháu gái do chị Nguyễn Thị B sinh ngày 12-12-2023 tên dự kiến Phạm Phương T là con đẻ của anh Phạm Văn T theo quy định tại Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của anh Phạm Văn T được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T.

Xác định anh Phạm Văn T, sinh năm 1980, số Căn cước công dân 022081009851 (địa chỉ: Khu dân cư Trại Thông, phường Bình Khê, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) là cha đẻ cháu gái do chị Nguyễn Thị B sinh ngày 12-12-2023 tên dự kiến là Phạm Phương T.

Cháu gái có tên dự kiến Phạm Phương T, sinh ngày 12-12-2023 do chị Nguyễn Thị B sinh là con đẻ của anh Phạm Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Ủy ban nhân dân phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Biên Hoàng Văn Ngọc

Đào Văn Phúc